

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67 /2020/HS-ST
Ngày 13-7-2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ - TỈNH QUẢNG NAM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tấn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông,

2. Bà Đặng Thị Phú Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Minh Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 70/2020/TLHS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị B, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Q; tạm trú: Thôn M, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: Công nhân; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Đỗ Thị T, sinh năm 1964; có chồng là Nguyễn Duy T (đã ly hôn) và có 02 con sinh năm 2016 và 2018; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Hồ Thị X, sinh năm 1995; trú tại: Thôn 4, xã T, huyện N, tỉnh Q; tạm trú: Khố phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Võ Văn D, sinh năm 1994; trú tại: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Q; tạm trú: Thôn V, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

2. Nguyễn Thị K, sinh năm 1983; trú tại: Thôn 1, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị B và chị Hồ Thị X đều là công nhân Công ty P và sống cùng phòng trọ. Do không có tiền trả nợ nên ngày 06-3-2020, bị cáo B lén lút lấy

trộm 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam của chị X bỏ trong thẻ đeo bằng tên. Sau khi đi làm về, bị cáo lấy chiếc thẻ ATM trộm cắp được, mượn xe mô tô hiệu Sirius màu cam đen biển số 92V1-085.81 (do anh Võ Văn D đứng tên sở hữu) đi đến trụ ATM của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trên đường Phan Bội Châu, tại đây, bị cáo nhập mật khẩu là ngày tháng năm sinh của chị X và rút 03 lần với tổng số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi rút được tiền, bị cáo đem xe về trả cho anh D và cho anh D mượn 500.000 đồng, lén để lại thẻ ATM vào lại chỗ đeo bằng tên của chị X đồng thời đã gửi cho chị Nguyễn Thị K số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân. Bị hại Hồ Thị X sau khi nhận được tin nhắn từ Ngân hàng về việc rút tiền tại ATM đã báo Công an giải quyết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tam Kỳ đã tạm giữ và trả lại cho bị hại 01 thẻ ATM đứng tên Hồ Thị X, bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt ch bị cáo.

Cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 16-6-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố bị cáo Nguyễn Thị B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng; về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị B phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] **Về tố tụng:** Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Tam Kỳ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Kết quả tranh tụng tại phiên tòa xác định được: Do không có tiền trả nợ nên ngày 06-3-2020, bị cáo B lén lút lấy trộm 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam của chị X bỏ trong thẻ đeo bằng tên rồi đi đến trụ ATM của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trên đường Phan Bội Châu, thành phố Tam Kỳ rút 03 lần được số tiền 8.000.000 đồng.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng các văn bản pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi trên của bị

cáo Nguyễn Thị B đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị B đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại, vì vậy cần xử phạt mức hình phạt tương xứng để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số và còn nuôi con nhỏ; bị hại có đơn bãi nại, xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nơi cư trú rõ ràng, vì vậy chỉ cần áp dụng loại hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo về cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục cũng đủ tính răn đe, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo thành công dân tốt. Bị cáo còn nuôi con nhỏ, nghề nghiệp không ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[2.3] Trách nhiệm dân sự; vấn đề liên quan trong vụ án:

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại Hồ Thị X không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên không giải quyết.

- *Vấn đề liên quan khác*: Không có căn cứ xác định chị Nguyễn Thị K và anh Võ Văn D biết được hành vi phạm tội của bị cáo B; số tiền anh D mượn bị cáo B anh D đã mang trả lại cho bị cáo, chị K cũng đã trả lại tiền cho bị cáo B nên không đề cập xử lý.

[2.4] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thị B là người dân tộc thiểu số nhưng đang sống nơi không phải đặc biệt khó khăn nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị B** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời gian cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Nguyễn Thị B cho Ủy ban nhân dân xã Tam Ngọc giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Thị B.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật thi hành án hình sự.

2. Bị cáo Nguyễn Thị B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Đinh Tấn Long